

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TƯ TRỤ QUAD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TƯ TRỤ QUAD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUAD INSTRUMENTS TECHNICAL SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: QUAD INSTRUMENTS LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109501886

3. Ngày thành lập: 20/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 137 Ngõ Xuân Quảng, Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986399734

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
2.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
3.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
4.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
5.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
6.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Dịch vụ thử nghiệm và kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Thử nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản - Thử nghiệm phân bón - Kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Kiểm nghiệm thuốc thú y - Kiểm nghiệm thực phẩm - Dịch vụ quan trắc môi trường	7120
7.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659(Chính)
11.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ đánh giá, chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý trong lĩnh vực quản lý và môi trường phù hợp tiêu chuẩn; - Giám định chất lượng công trình (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép); - Giám định hàng hóa; giám định về số lượng, chất lượng, bao bì, giá trị hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, tổn thất, độ an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh, phòng dịch, kết quả thực hiện dịch vụ, phương pháp cung ứng dịch vụ và các nội dung khác theo yêu cầu của khách hàng; Giám định theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) - Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	7490
12.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
13.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo: hệ thống quản lý chất lượng, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi	4651
15.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
16.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: - Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác; - Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác; - Sản xuất hóa chất cơ bản khác.	2011
17.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Dịch vụ môi giới thương mại; - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.	4610
18.	Quảng cáo Chi tiết: Tư vấn, dịch vụ sáng tạo, sản xuất các nguyên liệu cho quảng cáo, kế hoạch truyền thông.	7310

19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
20.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: - Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế; - Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác.	3822
21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn chuyển giao công nghệ xây dựng; - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hóa, tuyển chọn tư vấn (không bao gồm tư vấn pháp luật); - Tư vấn quản lý dự án thi công xây dựng.	7110
22.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
23.	Hoạt động viễn thông khác	6190
24.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn đầu tư, dự án đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật)	6619
25.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát.	7020
26.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Hoạt động tư vấn và đại diện (trừ đại diện pháp lý) thay mặt khách hàng trước cơ quan thuế	6920
27.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Loại trừ hoạt động tôn giáo và các tổ chức Đảng, đoàn thể.	8559
28.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
29.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
30.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
31.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
32.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
33.	Sản xuất máy luyện kim	2823
34.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824

35.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
36.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
37.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
38.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
39.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: - Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm	2732
40.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
41.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
42.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
43.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa)	2790
44.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
45.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
46.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
47.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
48.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
49.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
50.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
53.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
54.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
55.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
56.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
57.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
58.	Trồng lúa	0111
59.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
60.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
61.	Trồng cây mía	0114
62.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
63.	Trồng cây lấy sợi	0116

64.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
65.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
66.	Trồng cây ăn quả	0121
67.	Trồng cây điều	0123
68.	Trồng cây hồ tiêu	0124
69.	Trồng cây cao su	0125
70.	Trồng cây cà phê	0126
71.	Trồng cây chè	0127
72.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
73.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
74.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
75.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
76.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
77.	Chăn nuôi gia cầm	0146
78.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
79.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
80.	Khai thác gỗ	0220
81.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
82.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
83.	Bán buôn thực phẩm	4632
84.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
85.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
86.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
87.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
88.	Thu gom rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm)	3812
89.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
90.	Tái chế phế liệu	3830
91.	Xây dựng công trình điện	4221
92.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
93.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
94.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - xây dựng công trình xử lý bùn; - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
95.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
96.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
97.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

98.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt...	2599
99.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
100.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
101.	Xây dựng nhà để ở	4101
102.	Xây dựng nhà không để ở	4102
103.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
104.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
105.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.	4299
106.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
107.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
108.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
109.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
110.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
111.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: - Thoát nước; - Xử lý nước thải.	3700
112.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
113.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
114.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
115.	Bán buôn đồ uống	4633
116.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
117.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
118.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
119.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
120.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
121.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

122.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ.	4781
123.	Cơ sở lưu trú khác	5590
124.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
125.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
126.	Giáo dục nhà trẻ Chi tiết: - Nhà trẻ tư thực; - Hoạt động nhóm trẻ độc lập.	8511
127.	Giáo dục mẫu giáo Chi tiết: Hoạt động lớp mẫu giáo độc lập	8512
128.	Giáo dục tiểu học	8521
129.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
130.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
131.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
132.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
133.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
134.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
135.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
136.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
137.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
138.	Hoạt động thể thao khác	9319
139.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
140.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
141.	Hoạt động thú y	7500
142.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hạ tầng viễn thông và thiết lập mạng, trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
143.	Lập trình máy vi tính (Trừ sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm phần mềm trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính)	6201
144.	Dịch vụ đóng gói	8292

145.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____

Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____

Số giấy chứng thực cá nhân: _____

Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____

Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ LÀNH _____ Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/11/1987 _____ Dân tộc: Kinh _____ Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036187003204

Ngày cấp: 18/01/2017 _____ Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B2111 HH2B Khu đô thị mới Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: B2111 HH2B Khu đô thị mới Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội